

HỒI PHỤC ẤN TƯỢNG

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

- **Thị trường chứng khoán Mỹ** tiếp tục bị bán tháo sau khi Tổng thống Donald Trump một lần nữa xác nhận kế hoạch thuế quan sắp được triển khai.
- **VN-Index** tăng 2,54 điểm lên 1.311,91 điểm với thanh khoản đạt 23.136,6 tỷ đồng. Thị trường phiên nay mở cửa giảm điểm với áp lực bán mạnh ở hầu hết các nhóm ngành trước khi hồi phục ấn tượng trong phiên chiều. Đà tăng chủ yếu được hỗ trợ bởi nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn trong rổ VN30, với điển hình là nhóm Ngân Hàng (+0,55%) và Bán Lẻ (+0,34%).
- **Nhóm cổ phiếu VN30** tăng 6,81 điểm lên 1.367,97 điểm với sắc xanh chiếm ưu thế khi có 15 mã tăng điểm, 3 mã không đổi và 12 mã giảm điểm. Trong đó, TCB (+5,36%) đóng góp tích cực nhất tới điểm số thị trường, bên cạnh CTG (+0,85%) và MBB (+1,30%). Ở chiều ngược lại, VHM (-1,18%) và VCB (-0,32%) là các mã ảnh hưởng không tốt đến chỉ số chung.
- **Nhóm Midcap – Smallcap** đồng loạt giảm điểm và là tác nhân chính ảnh hưởng đến thị trường trong phiên sáng khi lần lượt giảm 0,63 và 3,75 điểm, tương đương mức 0,03% và 0,25% so với phiên qua.
- **HNX-Index** giảm 0,99 điểm xuống 237,35 điểm với thanh khoản đạt 1.312,3 tỷ.
- **UPCom** giảm 0,36 điểm xuống 99,10 điểm với tổng giá trị giao dịch ở mức 784,2 tỷ.

NHẬN ĐỊNH EVS

- **Về thị trường chung** áp lực rung lắc tiếp tục xuất hiện khi đường giá vượt ngưỡng cản 1.300 điểm.
- **Về kỹ thuật** đường giá hồi phục trở lại và duy trì xu hướng tăng trong ngắn hạn với thanh khoản gia tăng mạnh mẽ. Tuy nhiên, các chỉ báo kỹ thuật trên khung ngày như MACD vẫn thu hẹp đà tăng, trong khi RSI tiếp tục giữ trên ngưỡng 70.
- **Về hành động NĐT** tập trung theo dõi vận động thị trường và ưu tiên nắm giữ danh mục có sẵn. Kiên nhẫn chờ đợi tín hiệu rõ ràng từ VN-Index và hạn chế hành động mua bán sớm trong các phiên tới.

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

| Chỉ số | Điểm | Thay đổi | %Chg |
|-----------|-----------|----------|--------|
| Dow Jones | 43.840,91 | 601,41 | 1,39% |
| S&P 500 | 5.954,50 | 92,93 | 1,59% |
| DAX | 22.551,43 | 0,54 | 0,00% |
| NASDAQ | 20.884,41 | 333,46 | 1,62% |
| Hang Seng | 22.941,32 | -776,97 | -3,28% |

THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

| Chỉ số | Giá (USD) | Thay đổi | %Chg |
|---------------|-----------|----------|--------|
| Giá vàng | 2.883,00 | 46,20 | 1,63% |
| Giá dầu Brent | 72,81 | -0,76 | -1,03% |
| Giá dầu WTI | 70,16 | 0,40 | 0,57% |

THỊ TRƯỜNG NGOẠI TỆ

| Chỉ số | Giá | Thay đổi | %Chg |
|---------|--------|----------|--------|
| USD/VND | 25.530 | 10 | 0,04% |
| USD/JPY | 150,61 | 0,81 | 0,54% |
| EUR/USD | 1,0374 | -0,0024 | -0,23% |

THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM

| Chỉ số | Giá trị | Thay đổi | %Chg |
|------------------|----------|----------|--------|
| VN-Index | | | |
| Đóng cửa [điểm] | 1.309,37 | 4,01 | 0,31% |
| KLGD [triệu CP] | 922,04 | 146,51 | 18,89% |
| GTGD [tỷ VND] | 21.088,5 | 2.457,2 | 13,19% |
| HNX-Index | | | |
| Đóng cửa [điểm] | 238,34 | -0,85 | -0,35% |
| KLGD [triệu CP] | 80,52 | 15,88 | 24,58% |

UPCoM

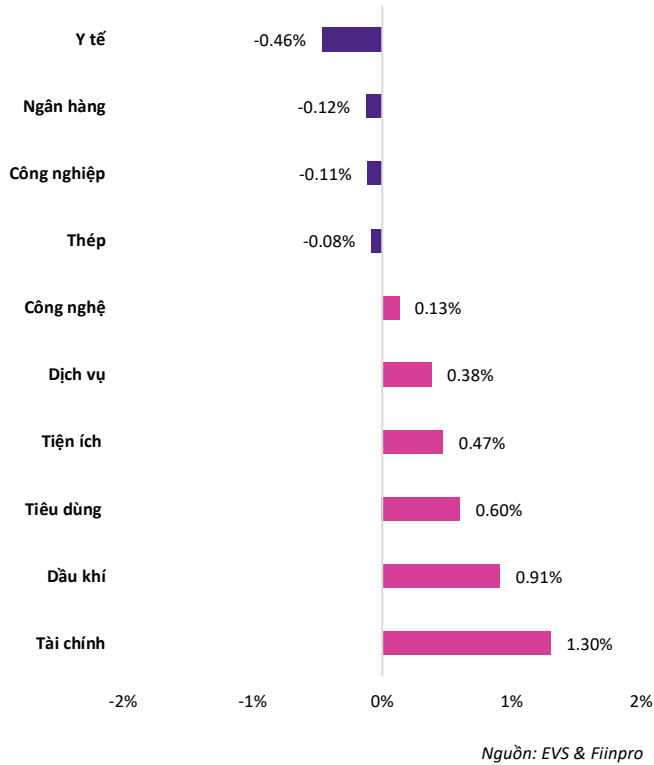
| | | | |
|-----------------|-------|--------|---------|
| Đóng cửa [điểm] | 99,46 | -0,12 | -0,12% |
| KLGD [triệu CP] | 57,53 | -20,60 | -26,37% |
| GTGD [tỷ VND] | 821,7 | -74,35 | -8,30% |

NGÀNH CÓ GTGD LỚN

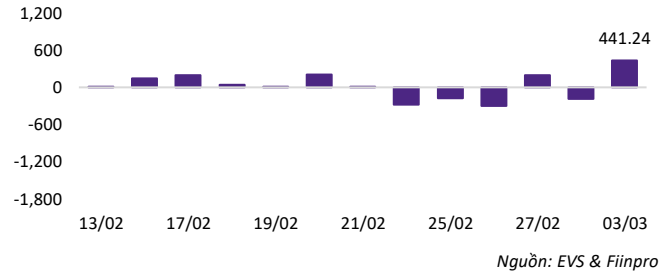
| Ngành | Điểm | Thay đổi | %Chg |
|--------------|--------|----------|--------|
| Ngân hàng | 554,26 | -0,74 | -0,13% |
| Chứng khoán | 617,38 | 6,12 | 1,00% |
| Bất động sản | 311,91 | 3,80 | 1,23% |
| Thực phẩm | 695,09 | 1,87 | 0,27% |

Các nhóm ngành tiếp diễn xu hướng tăng ngắn hạn

Diễn biến ngành

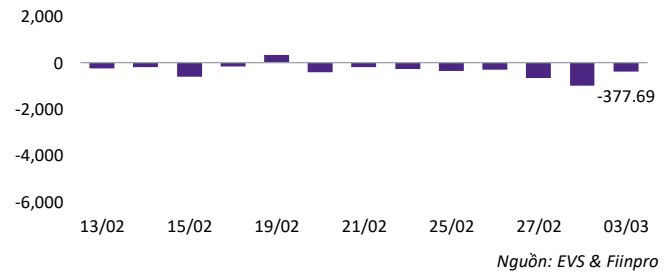


Tự doanh mua ròng trở lại



Khối tự doanh hôm nay quay đầu mua ròng và chủ yếu mua vào TNH, TCB, MBB.

Nước ngoài duy trì áp lực bán ròng



Khối ngoại tiếp tục bán ròng và tập trung bán theo phương thức khớp lệnh, đạt 244,20 tỷ.

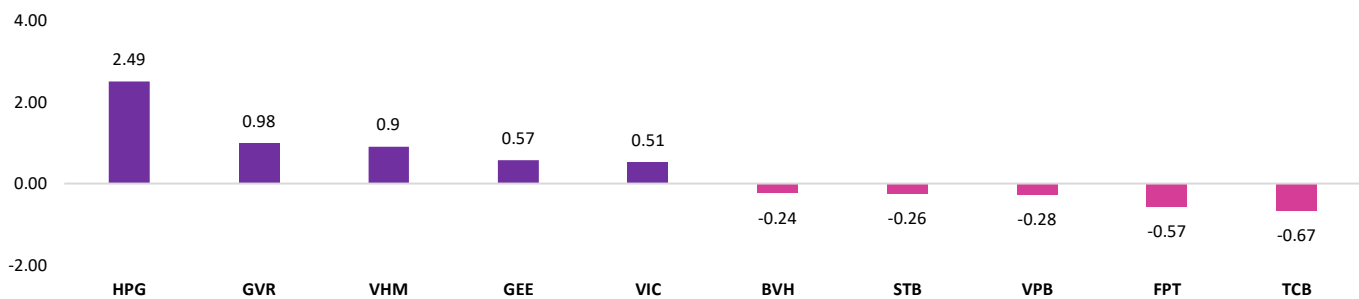
Top NĐTNN mua ròng

| Mã | Đóng cửa | %Chg | GT ròng (tỷ VND) |
|-----|----------|-------|------------------|
| VHM | 42.550 | 3,28% | 129,48 |
| VCI | 37.300 | 2,33% | 82,04 |
| GEX | 23.250 | 2,20% | 54,49 |
| HPG | 28.050 | 0,18% | 45,09 |
| TCH | 17.800 | 1,71% | 36,57 |

Top NĐTNN bán ròng

| Mã | Đóng cửa | %Chg | GT ròng (tỷ VND) |
|-----|----------|--------|------------------|
| TPB | 16.200 | -2,99% | -262,44 |
| TNH | 19.050 | 0,53% | -127,74 |
| FPT | 140.500 | 0,14% | -72,92 |
| HAH | 52.200 | -1,88% | -52,13 |
| MSN | 68.000 | 0,44% | -38,28 |

Top cổ phiếu ảnh hưởng của tuần trước



Tin tức & Sự kiện

Tin tức trong nước

PMI tháng thứ 3 liên tiếp dưới ngưỡng 50 điểm.

Theo báo cáo từ S&P Global, số lượng đơn đặt hàng mới tiếp tục giảm tháng thứ hai trong bối cảnh nhu cầu giảm khiến cho chỉ số **Nhà Quản trị Mua hàng (PMI) của Việt Nam tháng 2 nằm dưới ngưỡng 50 điểm tháng thứ ba liên tiếp, mặc dù đã tăng nhẹ lên mức 49,2 điểm so với 48,9 điểm của tháng 1.**

Nguyên nhân sự yếu kém của ngành sản xuất Việt Nam trong giai đoạn đầu năm 2025 xuất phát từ nhu cầu khách hàng yếu khiến số lượng đơn đặt hàng mới và sản lượng tiếp tục giảm. Kết quả khiến việc làm tiếp tục bị cắt giảm, trong khi tốc độ tăng chi phí đầu vào chậm lại và chạm ngưỡng thấp nhất trong 19 tháng qua.

Tin tức nước ngoài

Ngân hàng Trung ương Châu Âu (ECB) dự kiến sẽ tiếp tục hạ lãi suất.

Hiện tại, nền kinh tế khu vực đồng tiền chung Eurozone vẫn đang kẹt ở mức thấp vì sản xuất suy thoái, người tiêu dùng không muốn chi tiêu và các công ty đang kìm hãm đầu tư do lo ngại về một cuộc chiến thương mại toàn diện với Mỹ. Cộng thêm những dữ liệu không mấy khả quan đến từ Đức và Pháp gần đây đã ngầm xác nhận câu chuyện riêng của ECB về **lạm phát trong thời gian tới sắp chuyển hướng và tiến đến mục tiêu 2%**, ngay cả khi giảm thêm lãi suất. Ngoài ra, **ECB dự kiến sẽ cắt giảm lãi suất thêm 25 điểm cơ bản xuống còn 2,5%** vào thứ năm tới đây.

Hoạt động sản xuất tại Trung Quốc tăng trưởng mạnh nhất trong 3 tháng trở lại đây.

Cụ thể, chỉ số **Nhà quản trị mua hàng (PMI) của Trung Quốc đã chính thức tăng lên mức 50,2 điểm trong tháng 2 so với mức 49,1 điểm của tháng trước và là mốc cao nhất kể từ tháng 11/2024, vượt qua dự báo trước đó là 49,9 điểm.** Trong khi đó, PMI lĩnh vực phi sản xuất, bao gồm dịch vụ và xây dựng, đã tăng nhẹ lên mức 50,4 điểm từ mức 50,2 điểm trong tháng 1.

Bên cạnh đó, các nhà hoạch định chính sách Trung Quốc dự kiến sẽ công bố thêm các mục tiêu kinh tế và chính sách hỗ trợ mới vào tuần tới tại Bắc Kinh nhằm hỗ trợ thêm cho lĩnh vực bất động sản đang gặp nhiều khó khăn.

Lịch sự kiện trong tháng

| Ngày | LỊCH SỰ KIỆN KINH TẾ TRONG THÁNG | NƯỚC |
|------------|---------------------------------------|------|
| 03/03/2025 | CHỈ SỐ QUẢN LÝ THU MUA (PMI) | VN |
| 03/03/2025 | CHỈ SỐ QUẢN LÝ THU MUA (PMI) | MỸ |
| 06/03/2025 | CÔNG BỐ SỐ LIỆU KINH TẾ THÁNG 02/2025 | VN |
| 07/03/2025 | CÔNG BỐ TỶ LỆ THẤT NGHIỆP | MỸ |
| 07/03/2025 | FTSE CÔNG BỐ DANH MỤC | VN |
| 12/03/2025 | CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG (CPI) THÁNG 2 | MỸ |
| 13/03/2025 | CHỈ SỐ GIÁ SẢN XUẤT (PPI) THÁNG 2 | MỸ |
| 20/03/2025 | FED CÔNG BỐ LÃI SUẤT ĐIỀU HÀNH | MỸ |
| 20/03/2025 | ĐÁO HẠN HỘTL THÁNG 3 (VN30F2503) | VN |
| 21/03/2025 | FTSE TÁI CƠ CẤU DANH MỤC | VN |

DANH MỤC CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

| Mã CP | Ngành | Thời điểm khuyến nghị | Thời điểm mua | Giá mua vào | Target | Vùng cắt lỗ | Thời điểm bán | Giá bán ra | Lợi nhuận |
|-------|--------------|-----------------------|---------------|-------------|---------|-------------|---------------|------------|-----------|
| STB | Ngân Hàng | 01/01/2024 | Không khớp | 27.500 | 32.000 | 26.000 | 30/01/2024 | 30.700 | 12% |
| BSR | Dầu Khí | 07/01/2024 | 09/01/2024 | 18.500 | 22.000 | 17.500 | 23/02/2024 | 20.000 | 8% |
| NT2 | Điện Lực | 14/01/2024 | 18/01/2024 | 25.500 | 30.500 | 24.000 | 30/01/2024 | 26.150 | 3% |
| GIL | Dệt May | 21/01/2024 | 25/01/2024 | 26.500 | 32.000 | 24.500 | 23/02/2024 | 32.500 | 23% |
| HDG | Bất Động Sản | 28/01/2024 | Không khớp | 25.000 | 28.000 | 24.500 | 23/02/2024 | 26.800 | 7% |
| GEG | Điện Lực | 04/02/2024 | Không khớp | 13.000 | 15.000 | 12.500 | 28/02/2024 | 13.200 | 2% |
| VNM | Thực Phẩm | 18/02/2024 | Không khớp | 69.000 | 80.000 | 65.500 | 13/03/2024 | 70.800 | 3% |
| PC1 | Điện Lực | 25/02/2024 | 26/02/2024 | 27.500 | 31.000 | 26.000 | 22/03/2024 | 28.550 | 4% |
| HHV | Xây Dựng | 03/03/2024 | 06/03/2024 | 15.500 | 19.000 | 13.200 | 27/03/2024 | 15.700 | 1% |
| NLG | Bất Động Sản | 10/03/2024 | 18/03/2024 | 41.000 | 46.000 | 38.000 | 02/04/2024 | 43.800 | 7% |
| DPG | Bất Động Sản | 17/03/2024 | Không khớp | 41.500 | 46.000 | 39.000 | 10/04/2024 | 51.200 | 23% |
| NKG | Thép | 24/03/2024 | 05/04/2024 | 25.000 | 29.500 | 23.000 | 15/04/2024 | 25.850 | 3% |
| VPB | Ngân Hàng | 31/03/2024 | 01/04/2024 | 19.500 | 22.000 | 17.500 | 15/04/2024 | 19.700 | 1% |
| NVL | Bất Động Sản | 07/04/2024 | 09/04/2024 | 18.000 | 22.000 | 16.500 | 15/04/2024 | 17.700 | -2% |
| PVS | Dầu Khí | 21/04/2024 | 23/04/2024 | 38.000 | 42.000 | 36.500 | 16/05/2024 | 45.600 | 20% |
| VNM | Thực Phẩm | 05/05/2024 | Không khớp | 65.000 | 70.000 | 63.200 | 23/05/2024 | 67.000 | 3% |
| SMC | Thép | 12/05/2024 | Không khớp | 12.500 | 14.000 | 11.300 | 14/06/2024 | 14.050 | 12% |
| DIG | Bất Động Sản | 19/05/2024 | 21/05/2024 | 29.000 | 32.000 | 27.800 | 24/05/2024 | 29.200 | 1% |
| OCB | Ngân Hàng | 26/05/2024 | Không khớp | 14.000 | 16.000 | 13.000 | 17/06/2024 | 15.450 | 10% |
| IJC | Bất Động Sản | 02/06/2024 | Không khớp | 14.500 | 16.500 | 13.500 | 17/06/2024 | 16.300 | 12% |
| HAH | Cảng Biển | 09/06/2024 | Không khớp | 44.000 | 50.000 | 41.000 | 17/06/2024 | 50.600 | 15% |
| DPG | Bất động sản | 21/06/2024 | 24/06/2024 | 58.000 | 71.000 | 52.000 | 23/07/2024 | 52.000 | -10% |
| MSH | Dệt may | 29/06/2024 | 18/07/2024 | 46.000 | 54.000 | 41.000 | 21/08/2024 | 50.800 | 10% |
| TCM | Dệt may | 08/07/2024 | 10/07/2024 | 53.000 | 60.000 | 48.000 | 02/08/2024 | 48.000 | -9% |
| HAH | Cảng biển | 15/07/2024 | 16/07/2024 | 44.500 | 50.000 | 40.000 | 01/08/2024 | 40.000 | -10% |
| NLG | Bất động sản | 28/07/2024 | 30/07/2024 | 42.100 | 47.000 | 40.000 | 01/08/2024 | 40.000 | -5% |
| PNJ | Bán lẻ | 04/08/2024 | 05/08/2024 | 96.000 | 106.000 | 90.000 | 26/08/2024 | 102.600 | 7% |
| MWG | Bán lẻ | 11/08/2024 | Không khớp | 64.000 | 72.000 | 58.000 | 10/09/2024 | 67.800 | 6% |

DANH MỤC CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

| Mã CP | Ngành | Thời điểm khuyến nghị | Thời điểm mua | Giá mua vào | Target | Vùng cắt lỗ | Thời điểm bán | Giá bán ra | Lợi nhuận |
|-------|--------------|-----------------------|---------------|-------------|---------|-------------|---------------|------------|-----------|
| VHC | Thủy sản | 25/08/2024 | 26/08/2024 | 74.000 | 82.000 | 69.500 | 16/09/2024 | 69.500 | -6% |
| BMP | Nhựa | 18/08/2024 | Không khớp | 100.000 | 110.000 | 96.000 | 24/09/2024 | 124.500 | 25% |
| NTL | Bất động sản | 09/09/2024 | 10/09/2024 | 21.500 | 24.000 | 20.500 | 25/09/2024 | 21.900 | 2% |
| FTS | Chứng khoán | 15/09/2024 | 16/09/2024 | 43.500 | 48.500 | 40.000 | 26/09/2024 | 45.300 | 4% |
| PVP | Vận tải | 01/09/2024 | 04/09/2024 | 17.200 | 19.500 | 16.000 | 04/10/2024 | 16.000 | -8% |
| GMD | Cảng biển | 21/07/2024 | 22/07/2024 | 78.200 | 87.000 | 72.000 | 18/10/2024 | 72.000 | -8% |
| HCM | Chứng khoán | 06/10/2024 | 17/10/2024 | 30.000 | 32.000 | 29.000 | 23/10/2024 | 29.000 | -3% |
| LPB | Ngân Hàng | 22/09/2024 | Không khớp | 31.000 | 34.000 | 29.000 | 04/11/2024 | 32.350 | 4% |
| OCB | Ngân Hàng | 29/09/2024 | 02/10/2024 | 11.900 | 13.000 | 11.000 | 04/11/2024 | 11.000 | -8% |
| PET | Bán Lẻ | 13/10/2024 | 15/10/2024 | 27.000 | 29.500 | 25.500 | 15/11/2024 | 25.500 | -6% |
| BVS | Chứng Khoán | 10/11/2024 | 11/11/2024 | 41.300 | 45.000 | 38.000 | 15/11/2024 | 38.000 | -8% |
| HDG | Bất Động Sản | 03/11/2024 | 18/11/2024 | 27.000 | 29.500 | 25.500 | 26/11/2024 | 28.550 | 6% |
| VGI | Viễn thông | 27/10/2024 | Không khớp | 64.000 | 70.500 | 61.000 | 05/12/2024 | 88.200 | 38% |
| TTA | Điện lực | 09/12/2024 | Không khớp | 11.600 | 12.600 | 10.500 | 18/12/2024 | 13.100 | 13% |
| PVP | Vận tải | 15/12/2024 | 16/12/2024 | 16.800 | 18.500 | 16.000 | 24/12/2024 | 17.700 | 5% |
| BFC | Hóa chất | 24/11/2024 | 27/11/2024 | 39.000 | 42.000 | 36.000 | 25/12/2024 | 40.500 | 4% |
| TV2 | Điện lực | 29/12/2024 | 30/12/2024 | 34.350 | 37.000 | 32.000 | 07/01/2025 | 32.000 | -7% |
| NAB | Ngân Hàng | 20/10/2024 | 21/10/2024 | 16.000 | 17.700 | 15.000 | 17/01/2025 | 16.400 | 3% |
| FOX | Viễn Thông | 19/01/2025 | 20/01/2025 | 99.000 | 107.000 | 93.000 | 22/01/2025 | 109.000 | 10% |
| PNJ | Bán lẻ | 05/01/2025 | 07/01/2025 | 96.000 | 106.000 | 93.000 | 04/02/2025 | 98.200 | 2% |
| VIP | Vận tải | 22/12/2024 | 26/12/2024 | 14.600 | 16.000 | 13.500 | 07/02/2025 | 14.800 | 1% |
| REE | Điện lực | 01/12/2024 | 02/12/2024 | 67.000 | 72.000 | 62.000 | 11/02/2025 | 67.500 | 1% |
| TIP | Bất động sản | 16/02/2025 | Không khớp | 21.700 | 24.000 | 21.000 | 25/02/2025 | 22.300 | 3% |

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐANG THEO DÕI

| Mã CP | Ngành | Thời điểm khuyến nghị | Thời điểm mua | Giá mua vào | Target | Vùng cắt lỗ | Thị giá | Lợi nhuận |
|-------|--------------|-----------------------|---------------|-------------|--------|-------------|---------|-----------|
| BAF* | Thực phẩm | 17/11/2024 | 18/11/2024 | 23.300 | 25.500 | 21.500 | 33.100 | 42% |
| VGC** | Bất động sản | 12/01/2025 | 13/01/2025 | 47.500 | 52.000 | 44.000 | 52.000 | 10% |
| BAF* | Thực phẩm | 02/02/2025 | 03/02/2025 | 27.500 | 30.000 | 26.000 | 33.100 | 20% |
| VLB | Tài nguyên | 09/02/2025 | 10/02/2025 | 43.500 | 47.000 | 41.000 | 45.400 | 4% |
| BCM | Bất động sản | 23/02/2025 | 24/02/2025 | 74.500 | 82.000 | 72.000 | 75.600 | 1% |
| VIX | Chứng khoán | 02/03/2025 | 03/03/2025 | 11.400 | 13.000 | 10.700 | 11.800 | 4% |

(*): Tiếp tục nắm giữ cổ phiếu BAF, chốt lời khi giá giảm dưới mốc 28.

(**): Tiếp tục nắm giữ cổ phiếu VGC, chốt lời khi giá giảm dưới mốc 51.

KHUYẾN CÁO

Các thông tin trong báo cáo được xem là đáng tin cậy và dựa trên các nguồn thông tin đã công bố ra công chúng được xem là đáng tin cậy. Tuy nhiên, ngoài những thông tin về chính Công ty Cổ phần Chứng khoán EVEREST (“EVS”), EVS không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong báo cáo này. Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của EVS và có thể thay đổi mà không cần thông báo, EVS không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về độ chính xác của thông tin. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của EVS và không mang tính chất khuyến nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán hay công cụ tài chính có liên quan nào. Không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có sự chấp thuận bằng văn bản của EVS. Khi sử dụng các nội dung đã được EVS chấp thuận, xin vui lòng ghi rõ nguồn khi trích dẫn.

THÔNG TIN LIÊN LẠC

CTCP CHỨNG KHOÁN EVEREST (EVS) - Website: www.eves.com.vn

Trụ sở chính:

Tầng 3, 6, 9 Số 2A Phố Đại Cồ Việt, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (84) 24 3772 6699 - Fax: (84) 24 3772 6763

Chi nhánh Sài Gòn:

Tầng M, Central Park Tower, 117 Nguyễn Du, Bến Thành, Quận 1, TP, Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84) 28 6290 6296

Fax: (84) 28 6290 6399

Chi nhánh Nguyễn Trãi:

Tầng 3, Tòa nhà VNT Tower, 19 Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0243 936 6866

Fax: 0243 936 6586

PHÒNG PHÂN TÍCH**Phạm Văn Tuấn**

Trưởng phòng phân tích

tuanpv1@eves.com.vn

Vũ Mai Anh

Chuyên viên cao cấp

anhvm@eves.com.vn

Đình Quốc Khánh

Chuyên viên

khanhdq@eves.com.vn

Nguyễn Tùng Dương

Chuyên viên

duongnt@eves.com.vn

Mở tài khoản EVS tại:



Theo dõi chúng tôi tại:

